

Số: 1282/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 07 tháng 9 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể
Cảng hàng không quốc tế Cát Bi, thành phố Hải Phòng,
giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025**



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 911/1997/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống sân bay toàn quốc;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển Giao thông vận tải hàng không, giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 35/2009/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược phát triển Giao thông vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1857/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể Cảng hàng không quốc tế Cát Bi giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1389/BGTVT-KHĐT ngày 02 tháng 3 năm 2012 về điều chỉnh Quy hoạch quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Cát Bi giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Cảng hàng không quốc tế Cát Bi, thành phố Hải Phòng giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Cảng hàng không quốc tế Cát Bi, thành phố Hải Phòng giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025.

2. Địa điểm: Cảng hàng không quốc tế Cát Bi, thành phố Hải Phòng.

3. Nội dung điều chỉnh quy hoạch tổng thể:

a) Cấp sân bay: 4E (theo mã tiêu chuẩn của tổ chức hàng không dân dụng quốc tế ICAO) và sân bay quân sự cấp I.

b) Vị trí, chức năng trong mạng cảng hàng không dân dụng toàn quốc: là Cảng hàng không quốc tế, làm sân bay dự bị cho Cảng hàng không quốc tế Nội Bài.

c) Tính chất sử dụng: Sân bay dùng chung dân dụng và quân sự.

d) Phương án tổng thể: Chọn phương án 1 trong hồ sơ quy hoạch.

đ) Quy hoạch khu bay:

- Đường cất hạ cánh: Giai đoạn đến năm 2015, xây mới đường cất hạ cánh số 2 song song và cách đường cất hạ cánh hiện hữu 200 m về phía Nam, kích thước 3.050 x 45 m, bảo đảm khai thác B747 hạn chế tải trọng, B777-300, B777-200, A321. Đồng thời nâng cấp đường cất hạ cánh hiện hữu đảm bảo khai thác trong giai đoạn chờ đường cất hạ cánh số 2 hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Sân chờ: Giai đoạn đến năm 2015, xây dựng 02 sân chờ ở đầu 07 và 25, đảm bảo tối thiểu cho 01 tàu bay B747 chờ và tự vận hành.

- Đường lăn song song: Sau khi đưa đường cất hạ cánh số 2 vào khai thác, cải tạo đường cất hạ cánh số 1 thành đường lăn song song đạt kích thước 3.050 x 23 m và hệ thống đường lăn nối đồng bộ, bảo đảm khai thác đến năm 2025.

- Sân đỗ tàu bay: Giai đoạn đến năm 2015, mở rộng sân đỗ tàu bay đạt 08 vị trí đỗ. Giai đoạn đến năm 2025, mở rộng sân đỗ đạt 16 vị trí đỗ.

e) Quy hoạch khu hàng không dân dụng:

- Nhà ga hành khách: Giai đoạn đến năm 2015, xây dựng nhà ga hành khách 2 cao trình, công suất 4 - 5 triệu hành khách/năm và có dự phòng đất để mở rộng nhà ga đạt công suất 7 - 8 triệu hành khách/năm khi có nhu cầu. Sau

khi đưa nhà ga mới vào khai thác, nhà ga cũ sẽ được chuyển thành ga hàng không giá rẻ hoặc ga hàng hoá hoặc sử dụng với mục đích khác.

- Nhà ga hàng hoá: Giai đoạn đến năm 2015, căn cứ nhu cầu thực tế sẽ khai thác dây chuyền hàng hoá tại Nhà ga hành khách mới hoặc một phần nhà ga cũ. Giai đoạn đến năm 2025, khi nhu cầu hàng hoá tăng cao sẽ nghiên cứu xây dựng nhà ga hàng hoá đạt công suất 100.000 - 250.000 tấn hàng hoá/năm cùng hệ thống sân đỗ, kho bãi chứa hàng bảo đảm đồng bộ cho khai thác.

- Nhà điều hành cảng hàng không: Được bố trí nằm cạnh đường trục ra vào cảng hàng không trong giai đoạn đến năm 2015 với diện tích khoảng 4.000 m².

- Khu thương mại, dịch vụ: Nằm trong khu đất dự phòng phát triển cảng hàng không. Giai đoạn đến 2015, xây dựng khu thương mại dịch vụ có quy mô khoảng 4.000 m². Giai đoạn đến năm 2025, tùy vào nhu cầu thực tế sẽ mở rộng đạt 12.000 m².

g) Quy hoạch khu phục vụ kỹ thuật:

- Khu khí tượng: Giai đoạn đến năm 2015, xây mới Trạm khí tượng, cơ quan khí tượng đồng bộ, đáp ứng đến năm 2025.

- Trạm xe kỹ thuật ngoại trường: Giai đoạn đến năm 2015, xây dựng trạm xe kỹ thuật ngoại trường với diện tích khoảng 1.500 m²; đến năm 2025 đạt 5.000 m².

- Trạm cứu hoả: Cấp 9 theo quy định của ICAO.

- Khu cấp nhiên liệu: Căn cứ nhu cầu sử dụng sẽ xây dựng khu nhiên liệu đồng bộ tại Cảng hàng không quốc tế Cát Bi. Phương thức tra nạp nhiên liệu cho tàu bay: Dùng họng nạp nhiên liệu cho tàu bay tại sân đỗ.

- Khu chế biến suất ăn: Căn cứ nhu cầu sử dụng sẽ xây dựng khu chế biến suất ăn với diện tích khoảng 6.000 m².

- Khu bảo dưỡng tàu bay: Bố trí tại phía Nam đường cất hạ cánh, đảm bảo cho 02 tàu bay code E hoặc tương đương. Sân đỗ trước hangar đảm bảo bố trí được khoảng 4 - 5 vị trí đỗ.

- Hệ thống thoát nước mặt: Hệ thống thoát nước mặt bằng các mương hở và cống ngầm đổ ra sông Lạch Tray và sông Cấm.

- Hệ thống thoát nước thải: Được xử lý làm sạch cục bộ và thải qua hệ thống thoát nước mặt.

- Hệ thống cấp nước: Lấy từ nguồn nước sạch của thành phố Hải Phòng cấp vào Cảng hàng không.

- Hệ thống cấp điện: Sử dụng nguồn điện từ lưới điện của thành phố Hải Phòng đến Cảng hàng không thông qua các trạm biến áp.

- Khu chứa và xử lý chất thải: Rác thải được thu gom và vận chuyển đến bãi rác của địa phương.

h) Quy hoạch khu quản lý bay:

- Đài kiểm soát không lưu: Giai đoạn đến năm 2015, xây mới đài kiểm soát không lưu tại phía Tây nhà ga hành khách.

- Trạm VSAT và hệ thống ILS: Đầu tư đồng bộ cùng đài kiểm soát không lưu, đường cất hạ cánh.

- Các thiết bị hỗ trợ khác được trang bị đồng bộ.

- Phương thức tiếp cận hạ cánh: Đạt CAT II đầu 07 đường cất hạ cánh và giản đơn đầu 25 đường cất hạ cánh.

i) Quy hoạch giao thông:

- Đường trục ra vào Cảng hàng không: Giai đoạn đến năm 2015, mở rộng đường trục ra vào cảng đảm bảo 04 làn xe.

- Đường cầu cạn lên tầng 2: Xây dựng đồng bộ cùng nhà ga hành khách.

- Hệ thống đường nội bộ khác: Đầu tư hoàn chỉnh phù hợp với tiến độ xây dựng các khu chức năng của Cảng hàng không.

- Sân đỗ ô tô: Giai đoạn đến năm 2015, mở rộng sân đỗ ô tô đạt 20.000 m², đáp ứng cho khoảng 300 xe, đồng thời bố trí đất dự trữ để mở rộng khi cần thiết.

k) Quy hoạch sử dụng đất:

- Tổng diện tích đất cảng hàng không hiện có: 439,6 ha. Trong đó diện tích hàng không dân dụng đang quản lý: 3 ha.

- Tổng diện tích đất cảng hàng không đến năm 2025: Khoảng 501,02 ha, trong đó:

+ Đất do hàng không dân dụng quản lý : 175,70 ha;

+ Đất do quân sự quản lý : 206,22 ha;

+ Đất dùng chung do hàng không dân dụng quản lý : 119,10 ha;

4. Phân kỳ đầu tư và nguồn vốn:

a) Giai đoạn đến năm 2015:

- Đối với khu bay: Đầu tư xây dựng đường cất hạ cánh số 2, 03 đường lăn tắt, 02 đường lăn nối, xây dựng sân đỗ máy bay, sửa chữa đường cất hạ cánh cũ thành đường lăn song song và các thiết bị khai thác, quản lý điều hành bay.

- Đối với khu hàng không dân dụng: Đầu tư xây dựng nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, sân đỗ ô tô; khu điều hành, kỹ thuật, xây dựng các công trình phụ trợ và các thiết bị đảm bảo khai thác khác.

b) Nguồn vốn: Đầu tư bằng nguồn vốn của doanh nghiệp cảng hàng không, vốn thu từ quỹ đất và ngân sách của thành phố Hải Phòng và từ các nguồn vốn hợp pháp khác; Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng chỉ đạo việc tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đúng theo quy định. Trong khi chờ đấu giá đất, giao Bộ Tài chính ứng trước vốn từ ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện đầu tư và xây dựng Cảng hàng không quốc tế Cát Bi, Hải Phòng.

c) Định hướng đến năm 2025: Căn cứ vào nhu cầu khai thác, tiến trình thực hiện đầu tư và xây dựng Cảng hàng không quốc tế Hải Phòng để xem xét quyết định quy mô và nguồn vốn đầu tư cho giai đoạn này.

5. Các chỉ tiêu đạt được của quy hoạch:

a) Giai đoạn đến năm 2015:

- Là Cảng hàng không quốc tế cấp 4E theo quy định của ICAO.
- Sản lượng vận chuyển hành khách: 2 triệu hành khách/năm, tương đương 800 hành khách/giờ cao điểm.
- Sản lượng vận chuyển hàng hoá: 20.000 tấn hàng hoá/năm.
- Tổng số vị trí đỗ: 08.
- Loại tàu bay khai thác: B747 giảm tải, B777, A321 và tương đương.
- Phương thức tiếp cận hạ cánh: Đạt CAT II đầu 07 đường cất hạ cánh và giảm đơn đầu 25 đường cất hạ cánh.

b) Giai đoạn đến năm 2025:

- Là Cảng hàng không quốc tế cấp 4E theo quy định của ICAO.
- Sản lượng vận chuyển hành khách: 8 triệu hành khách/năm, tương đương 2.800 hành khách/giờ cao điểm.
- Sản lượng vận chuyển hàng hoá: 250.000 tấn hàng hoá/năm.
- Tổng số vị trí đỗ: 16.
- Loại tàu bay khai thác: B747 giảm tải, B777, A321 và tương đương.
- Phương thức tiếp cận hạ cánh: Đạt CAT II đầu 07 đường cất hạ cánh và giảm đơn đầu 25 đường cất hạ cánh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, bãi bỏ Quyết định số 1857/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể Cảng hàng không quốc tế Cát Bi giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng triển khai thực hiện Quy hoạch này theo đúng các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ: Giao thông vận tải, Quốc phòng, Công an, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia;
- Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn;
- Ủy ban An ninh HK dân dụng quốc gia;
- Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam;
- Tổng Công ty hàng không Việt Nam;
- Tổng Công ty quản lý bay Việt Nam;
- Tổng Công ty trực thăng VN, các Công ty cổ phần hàng không: Mê Kông, VietJet Air, Jetstar Pacific;
- VPCP: BTCN, các Phó chủ nhiệm, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b); LM **250**

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hoàng Trung Hải